

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27- 9 - 2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn
2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 603/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thành phố P – T, tỉnh N; nơi cư trú: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Hồ Đăng K, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, thành phố P – T, tỉnh N; tạm trú: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Bà P, ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông K có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 12/10/2010 tại UBND xã T, thành phố P - T, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc được thời gian ngắn, sau đó thường bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không có hướng khắc phục. Mỗi lần bất hòa ông K bỏ nhà đi một thời gian mới quay về, không có trách nhiệm với gia đình. Đến nay thỉnh thoảng vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không còn biện pháp hàn gắn đoàn tụ, nay bà P yêu cầu ly hôn với ông K

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Hồ Nhật Minh K1, sinh ngày 27/3/2011 và Hồ Nhật Lê V, sinh ngày 27/12/2015. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà làm công nhân, thu nhập bình quân từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Bà P trình bày không có nợ chung, nợ riêng.

Đối với bị đơn ông Hồ Đăng K: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đối với ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, ông K cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

** Tại bản tự khai ngày 18/7/2022, cháu Hồ Nhật Lê V và cháu Hồ Nhật Minh K trình bày:* Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

** Tại biên bản xác minh tại đại diện ban điều hành khu phố 3A, phường T, thị xã B cung cấp:* Ông K có đăng ký tạm trú tại khu phố 3 A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Về mâu thuẫn giữa bà P và ông K thì không nắm rõ.

Tại Biên bản xác minh ông Hoàng Văn T, chủ nhà trọ H nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú cung cấp : Ông K có đăng ký tạm trú tại nhà trọ Hoàng Văn T và sinh sống từ lâu nhưng trước đó chưa đăng ký tạm trú, sau này ông K đã đăng ký tạm trú. Hiện bà P sống riêng một mình, ông K thường đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P; giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét; bà P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà P khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, bị đơn ông Hồ Đăng K có nơi cư trú tại khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông K vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà P và ông K có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 12/10/2010 tại UBND xã T, thành phố P - T, tỉnh N, việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà P và ông K là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thời điểm bà P yêu cầu ly hôn (ngày 02/7/2021) thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu ly hôn, hôn nhân giữa bà P, ông K đáp ứng đủ các điều kiện của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa, điều đó cho thấy ông K không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà P. Ông K không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Cũng tại Biên bản xác minh chủ nhà trọ nơi bà P và ông K tạm trú cung cấp: Ông K thường đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng bà P và ông K không còn sống chung với nhau từ lâu.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P và ông K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà P được ly hôn với ông K để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà P và ông K có 02 con chung là Hồ Nhật Minh K1, sinh ngày 27/3/2011 và Hồ Nhật Lê V, sinh ngày 27/12/2015. Bà P yêu cầu được nuôi cháu V và giao cháu K1 cho ông K nuôi. Bà P trình bày bà P đi làm công ty thu nhập bình quân từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Bà P đủ khả năng để nuôi con. Nay bà P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà P yêu cầu được nuôi cháu V và cháu K1. Xét việc thay đổi yêu cầu về nuôi con của bà P là tự nguyện. Ông K không tham gia tố tụng, không có ý kiến về con chung nên việc giao các con chung cho bà P tiếp tục nuôi là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Bà P khai không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Hồ Đăng K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Hồ Đăng K.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Hồ Đăng K chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung là Hồ Nhật Minh K1, sinh ngày 27/3/2011 và Hồ Nhật Lê V, sinh ngày 27/12/2015 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng: Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết bà P, ông K được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản: Bà P không tranh chấp nên không giải quyết.

5. Về nghĩa vụ tài sản: Bà P khai không có, không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0005348 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà P đã nộp đủ án phí.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

8. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã T, thành phố P, T, tỉnh N, số 83, quyển số I/2010 (khi có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga